

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **E-ĐKCT** phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	Chủ đầu tư là: Công ty Truyền tải Điện 3. - Địa chỉ: Số 12 Trần Hưng Đạo, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam; - Mã số thuế: 0102743068-004 - Tài khoản: 119.0000.22307. - Mở tại: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Khánh Hòa. - Điện thoại: 0258.352.1188; Fax: 0258.352.1836.
E-ĐKC 1.7	Công trình bao gồm: Thi công sửa chữa 02 móng máy cắt 500kV MC 575 và MC 578 tại Trạm biến áp 500kV Pleiku.
E-ĐKC 1.10	Địa điểm Công trường tại: Trạm biến áp 500kV Pleiku (được xác định trong bản vẽ theo hồ sơ thiết kế đính kèm).
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: 30 ngày.
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 30 ngày.
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: <i>Ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc ngày Chủ đầu tư thông báo khởi công công trình hoặc trong vòng 05 ngày kể từ khi Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng thi công.</i>
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: ____ <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].</i>
E-ĐKC 1.29	- Tư vấn quản lý dự án: ____ <i>[ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn quản lý dự án nếu có];</i> - Tư vấn giám sát là: ____ <i>[ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn giám sát];</i>
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: Không áp dụng.
E-ĐKC 2.3(i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng:

	1. Các biên bản có đầy đủ chữ ký hợp pháp của đại diện chủ đầu tư và của nhà thầu; 2. Các phụ lục bổ sung hợp đồng được ký kết, Phụ lục tồn tại của Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu... (nếu có); 3. Văn bản hợp đồng (kèm theo Biểu giá và các Phụ lục khác); 4. Biên bản thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng; 5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; 6. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; 7. Điều kiện chung của hợp đồng; 8. Các văn bản liên quan khác.
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng. - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực (tùy điều kiện nào đến trước) cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này. - Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: <i>Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn 28 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.</i> - Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau: + Các nội dung đã được quy định tại mục 37.2 Chương I/E-HSMT; + Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích; + Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng;

	Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh. Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 07 ngày. - Trường hợp Nhà thầu không nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng hoặc Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng: Chủ đầu tư có quyền thực hiện hình thức cảnh cáo Nhà thầu bằng văn bản. Việc cảnh cáo sẽ được báo cáo EVNNPT, niêm yết tại trang web nội bộ của EVNNPT và thông báo đến toàn thể các đơn vị thành viên của EVNNPT. - Gia hạn hiệu lực bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh thực hiện hợp đồng: + Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 07 ngày. + Trường hợp dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.
E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 03 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ:_____ <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].</i>
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 20% giá hợp đồng <i>[Hệ thống trích xuất theo Mục 27.3 E-CDNT].</i>
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ:

	- Nhà thầu phải tuân thủ các quy định về nhà thầu phụ nêu tại E-CDNT 27 Chương I của E-HSMT. - Trường hợp nhà thầu muốn thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách nhà thầu phụ đã kê khai trong hợp đồng thì trong vòng 28 ngày trước ngày muốn đưa nhà thầu phụ vào làm việc, nhà thầu phải có văn bản đề nghị nêu lý do xác đáng, hợp lý kèm theo hồ sơ chứng minh năng lực của nhà thầu phụ để Chủ đầu tư xem xét chấp thuận. Chủ đầu tư thanh toán trực tiếp cho nhà thầu phụ trên cơ sở đề xuất thanh toán của nhà thầu chính hoặc tổng thầu, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
E-ĐKC 19.1	Yêu cầu về bảo hiểm: Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn chịu trách nhiệm sửa chữa sai sót công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công của Nhà thầu, mua bảo hiểm tai nạn đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu. Mức bảo hiểm theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính. Tất cả các chi phí bảo hiểm được hạch toán vào chi phí của nhà thầu và đã bao gồm trong giá dự thầu.
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình: 12 tháng kể từ ngày các bên ký biên bản nghiệm thu các hạng mục công trình để đưa vào sử dụng.
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: Đã được nêu chi tiết tại ĐKCT 1.10
E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc theo thông báo bằng văn bản của Chủ đầu tư, hoặc là ngày Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng tại thực địa cho Nhà thầu và có biên bản ký xác nhận bởi đại diện hợp pháp theo hợp đồng của hai bên.
E-ĐKC 27.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: Trong thời gian có hiệu lực của hợp đồng, nếu có bất kỳ tranh chấp nào xảy ra giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ cùng hợp tác giải quyết thông qua việc hòa giải giữa hai bên. Số ngày tiến hành hòa giải tối đa là 28 ngày. Giải quyết tranh chấp: Trong trường hợp xảy ra tranh chấp hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải. Trường hợp thương lượng không có kết quả, thì các bên có quyền đưa tranh chấp ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật. Bên thua kiện phải chịu án phí và mọi chi phí phát sinh.
B. Quản lý thời gian	

E-ĐKC 28	- Ngày khởi công: Ngày hợp đồng có hiệu lực (dự kiến ngày 25/10/2025). - Ngày hoàn thành dự kiến: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (dự kiến ngày 25/11/2025).
E-ĐKC 29.1	- Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 05 từ ngày ký Hợp đồng. - Trước khi tiến hành thi công, nhà thầu phải đệ trình đại diện Chủ đầu tư xem xét biện pháp tổ chức thi công chi tiết (<i>bao gồm trình tự, phương pháp thực hiện công việc, biểu tiến độ thi công chi tiết, biện pháp quản lý chất lượng, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy, nhân sự, vật tư vật liệu, thiết bị sử dụng cho công trình</i>). Nhà thầu chỉ được thực hiện thi công khi biện pháp tổ chức thi công chi tiết được đại diện Chủ đầu tư chấp thuận.
E-ĐKC 29.4	- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: trong vòng 05 ngày. + Trong trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu tăng cường thêm 50% nhân lực, máy móc thiết bị thi công và sẽ thông báo nhà thầu trước 05 ngày mà không có chi phí tăng thêm. + Nội dung của bảng tiến độ thi công chi tiết lập cho toàn bộ dự án và cho từng hạng mục công việc. + Bảng tiến độ thi công chi tiết này là cơ sở cho việc xác định trách nhiệm các bên liên quan đến chậm tiến độ, vì vậy yêu cầu nhà thầu lập tiến độ chi tiết cho từng giai đoạn: Giao mặt bằng của bên mời thầu, giao bản vẽ của bên mời thầu, Cung cấp VTTB của bên mời thầu, thi công nghiệm thu công việc, nghiệm thu hạng mục, nghiệm thu thí nghiệm, bàn giao đóng điện. + Bảng thuyết minh của nhà thầu phải mô tả rõ bố trí công trường, bố trí máy móc thi công, bố trí nhân lực, các biện pháp an toàn, vệ sinh môi trường và các yêu cầu hợp tác với chủ đầu tư, các bên liên quan khác. + Trường hợp nhà thầu không trình tiến độ thi công chi tiết công trình sẽ được xem là nguyên nhân dẫn đến chậm tiến độ thi công hoàn thành đóng điện công trình theo hợp đồng do lỗi nhà thầu. + Trong vòng 05 ngày sau khi nhận được văn bản thỏa thuận bảng tiến độ thi công xây dựng công trình, nếu Chủ đầu tư không trả lời thì xem như Chủ đầu tư chấp thuận nội dung bảng tiến độ do nhà thầu đệ trình. Chủ đầu tư chịu mọi trách nhiệm đối với tiến độ bàn giao mặt

	bằng, cung cấp bản vẽ, cung cấp VTTB theo đề xuất của nhà thầu tại Bảng tiến độ đã trình. + Trường hợp cần thiết Chủ đầu tư mời Nhà thầu thương thảo chi tiết về bảng tiến độ thi công công trình nhưng không quá 05 ngày kể từ ngày Nhà thầu trình bảng tiến độ cho Chủ đầu tư. + Khi Chủ đầu tư chậm giao mặt bằng thi công, chậm giao bản vẽ thi công, giao VTTB cho từng hạng mục thi công, tổ chức nghiệm thu,... thì nhà thầu có quyền lùi tiến độ thi công các hạng mục công việc đó với thời gian tương ứng. + Trong quá trình thực hiện nếu vi phạm tiến độ cam kết và nếu việc điều chỉnh tiến độ hạng mục có nguy cơ ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành công trình thì tại bất kỳ thời điểm nào, mỗi bên đều có quyền yêu cầu bên kia thương thảo lại về tiến độ hoàn thành công trình. + Nếu nhà thầu không chủ động đánh giá và yêu cầu thương thảo lại tiến độ hoàn thành công trình thì vì bất kỳ lý do nào dẫn đến chậm tiến độ hạng mục công trình, nhà thầu vẫn phải chịu trách nhiệm về việc chậm trễ hoàn thành công trình. - Nhà thầu phải lập các biện pháp an toàn cho người, máy móc thiết bị và công trình trên công trường xây dựng, kể cả công trình phụ cận; có trách nhiệm trang bị bảo hộ lao động, hướng dẫn, đào tạo, phổ biến đầy đủ các quy định về an toàn cho Người lao động của mình. - Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động, môi trường xung quanh và khu vực lân cận công trình. Nhà thầu phải tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công công trình xây dựng. - Nhà thầu có trách nhiệm tuân thủ các quy định hiện hành về an ninh trật tự, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường trên phạm vi công trường do đơn vị mình đảm nhiệm thi công. Nếu có sai sót nào do lỗi chủ quan của nhà thầu dẫn đến sự cố, thiệt hại cho công trình, khu vực lân cận của Bên A và bên thứ 3 (nếu có) thì nhà thầu phải bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại đó và chịu trách nhiệm trước pháp luật. - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: 2.000.000 Việt Nam Đồng.
E-ĐKC 30.7	Các trường hợp khác: các trường hợp gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng khác: - Trường hợp bất khả kháng; - Thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu

	cầu của Chủ đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng; - Chủ đầu tư không bàn giao mặt bằng thi công, bản vẽ, vật tư thiết bị theo đúng tiến độ cam kết; - Nhà thầu/ Chủ đầu tư đã thực hiện đầy đủ các thủ tục của pháp luật nhưng các cơ quan có thẩm quyền giải quyết không đảm bảo thời gian quy định; - Do sự thay đổi về yêu cầu tiến độ đưa vào sử dụng công trình nhằm đồng bộ với các công trình khác/ nhiệm vụ kinh tế xã hội khác.
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	Vật tư, máy móc, thiết bị: - Nhà thầu phải đảm bảo tất cả các vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ phải được kiểm soát chất lượng theo yêu cầu của quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho công trình, yêu cầu thiết kế, quy định của hợp đồng xây dựng và các tài liệu có liên quan. - Nhà thầu phải cung cấp mẫu, kết quả kiểm nghiệm đối với vật tư, máy móc, thiết bị để kiểm tra và làm cơ sở nghiệm thu công trình. - Chủ đầu tư sẽ kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị tại nơi khai thác, nơi sản xuất hoặc tại công trường vào bất kỳ thời điểm nào. - Nhà thầu phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị nêu trên.
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: Trọn gói.
E-ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: Cố định.
E-ĐKC 42.1	- Tạm ứng: Không áp dụng. - Thời gian tạm ứng: Không áp dụng. - Hoàn trả tiền tạm ứng: Không áp dụng.
E-ĐKC 44.1	Phương thức thanh toán: 1. Nguyên tắc thanh toán: Giá trị thanh toán được tính bằng cách lấy đơn giá cố định trong hợp đồng nhân với khối lượng, số lượng công việc thực tế mà nhà thầu đã thực hiện; Đối với công việc xây lắp, trường hợp khối lượng công việc thực tế mà nhà thầu đã thực hiện để hoàn thành theo đúng thiết kế ít hơn khối lượng công việc nêu trong hợp đồng, nhà thầu chỉ được thanh toán cho phần khối lượng thực tế đã thực hiện. Trường hợp khối lượng công việc thực tế mà nhà thầu đã thực hiện để hoàn thành theo đúng thiết kế nhiều hơn

	khối lượng công việc nêu trong hợp đồng, nhà thầu chỉ được thanh toán cho phần khối lượng công việc nêu trong hợp đồng; Chủ đầu tư, tư vấn giám sát và nhà thầu chịu trách nhiệm xác nhận vào biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành để làm cơ sở thanh toán cho nhà thầu. 2. Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản, nhà thầu chịu phí chuyển tiền. a) Thanh toán tuân thủ các quy định dưới đây: - Thời hạn thanh toán: Trong vòng 14 ngày làm việc sau khi bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ cho từng đợt thanh toán do Nhà thầu cung cấp và bên A được cấp có thẩm quyền cung cấp vốn và nhà thầu đáp ứng đầy đủ các điều kiện thanh toán của từng đợt. - Tổng số lần thanh toán tối đa là: 01 lần. b) Thanh toán: Chủ đầu tư thanh toán 100% giá trị quyết toán theo khối lượng hoàn thành của hợp đồng sau khi Nhà thầu hoàn thành xây lắp toàn bộ công trình, nghiệm thu đưa vào sử dụng và có bảo lãnh bảo hành và xóa phụ lục tồn tại sau thẩm tra quyết toán đối với các hạng mục đã hoàn thành thi công. Hồ sơ thanh toán bao gồm: + Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng (kèm phiếu yêu cầu nghiệm thu), biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình để đưa vào sử dụng có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư, tư vấn giám sát (nếu có) và nhà thầu (biểu mẫu đúng theo quy định hiện hành của pháp luật và của ngành). + Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng xây dựng (gọi là quyết toán A-B), trong đó nêu rõ giá trị công việc hoàn thành theo hợp đồng; giá trị mà bên giao thầu có trách nhiệm thanh toán cho nhà thầu, có xác nhận của đại diện hợp pháp của các bên (biểu mẫu đúng theo quy định hiện hành của pháp luật và của ngành). + Bản vẽ hoàn công do bên B lập và có xác nhận của bên A, kèm biên bản bàn giao bản vẽ hoàn công. + Hóa đơn tài chính tương ứng giá trị hoàn thành đủ điều kiện thanh toán. + Cam kết bảo hành công trình (theo mẫu quy định của Chủ đầu tư). + Bảo lãnh bảo hành của Ngân hàng về số tiền bảo hành công trình (Số tiền bảo hành công trình bằng 5% giá trị quyết toán để bảo hành công trình theo Nghị định 06/2021/NĐ-CP, ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính Phủ). + Nhật ký thi công công trình. + Văn bản đề nghị thanh toán của nhà thầu. + Biên bản thanh lý hợp đồng có xác nhận của đại diện hợp pháp của các bên. 3. Bảo hành công trình: - Thời gian bảo hành công trình được tính từ ngày chủ đầu tư ký Biên bản nghiệm thu hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng đã
--	---

	hoàn thành để đưa vào sử dụng và được xác định là 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao công trình vào sử dụng. Thời gian bảo hành công trình phải được gia hạn cho đến khi khắc phục xong các sai sót do lỗi của nhà thầu. - Yêu cầu về bảo hành công trình như sau: + Yêu cầu: Trong thời gian bảo hành công trình, Nhà thầu phải khắc phục, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng, khiếm khuyết hoặc công trình vận hành, sử dụng không bình thường do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công bằng chi phí của Nhà thầu. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 07 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các lỗi này. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này. Chi phí được khấu trừ vào tiền bảo hành, giá trị hợp đồng và thông báo cho Nhà thầu giá trị trên, Nhà thầu buộc phải chấp thuận giá trị trên. + Hình thức bảo hành: Thư bảo lãnh của Ngân hàng (<i>Phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành</i>). + Bảo lãnh bảo hành: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày vật tư thiết bị/ Công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là Bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 5 phần trăm (5%) Giá trị quyết toán hợp đồng. + Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới. Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế Hàng hóa, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Bên A chấp nhận. Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố
--	---

	tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này. Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên B chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên B phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của bảo lãnh bảo hành tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà bên B không gia hạn bảo lãnh thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành.
E-ĐKC 45	Điều chỉnh thuế: được phép. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
E-ĐKC 46.1	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: <i>5% giá trị quyết toán hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh của Ngân hàng.</i>
E-ĐKC 47.1(d)	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: Không.
E-ĐKC 47.7	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0 % giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 49.1	a) Mức phạt: - Trong trường hợp nhà thầu vi phạm nghĩa vụ hoàn thành Hợp đồng theo tiến độ quy định (Ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) thì nhà thầu sẽ bị phạt những khoản tiền như sau: + Chậm trễ 04 ngày đầu phạt 03% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm; + Chậm mỗi 04 ngày tiếp theo phạt thêm 03% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm; + Tổng số tiền phạt không quá 12% phần giá trị hợp đồng bị vi phạm. - Trong trường hợp nhà thầu không thực hiện hợp đồng thì bị tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng. b) Ngoài mức phạt vi phạm nghĩa vụ hoàn thành hợp đồng nêu trên: - Nếu nhà thầu vi phạm nghĩa vụ hoàn thành Hợp đồng theo tiến độ quá thời gian 16 ngày hoặc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ đảm bảo chất lượng cho công trình, Chủ đầu tư có quyền đề nghị chấm dứt Hợp đồng và nhà thầu sẽ bị phạt như trường hợp không thực hiện Hợp đồng và Chủ đầu tư sẽ xem xét không chấp nhận nhà thầu tham gia đấu thầu các công trình tiếp theo thuộc Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia.

	- Kết quả đánh giá chất lượng nhà thầu hàng năm do Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) phê duyệt được cập nhật trên phần mềm quản lý đầu tư xây dựng của EVN là căn cứ để xác định uy tín của nhà thầu. Nhà thầu truy cập mục văn bản pháp quy Hệ thống Thông tin Quản lý Đầu thầu của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại địa chỉ http://dauthau.evn.com.vn để nắm bắt được các thông tin: + <i>Quy định của Tập đoàn khi đánh giá quá trình thực hiện Hợp đồng và cập nhật kết quả đánh giá.</i> + <i>Quy định của Tập đoàn về việc áp dụng kết quả đánh giá.</i> - Nếu nhà thầu không thực hiện đúng theo các điều kiện của hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng hoặc yêu cầu Ngân hàng thanh toán chi phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng mà không cần có bất cứ lý do gì của nhà thầu. - Nếu nhà thầu không thực hiện bảo hành đúng theo các điều kiện như đã nêu tại điều khoản bảo hành của Hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu tiền Bảo lãnh bảo hành hoặc yêu cầu Ngân hàng thanh toán chi phí bảo hành của nhà thầu mà không cần bất cứ lý do gì của nhà thầu. - Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của nhà thầu. c) Yêu cầu khác về phạt vi phạm hợp đồng: Trường hợp Nhà thầu vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng cho công trình, Nhà thầu sẽ chịu mọi kinh phí sửa chữa theo yêu cầu của Chủ đầu tư và bị phạt 10% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm về chất lượng. Đồng thời việc khắc phục phần việc vi phạm chất lượng của Nhà thầu dẫn đến kéo dài thời gian hoàn thành so với tiến độ qui định thì Nhà thầu phải chịu thêm mức phạt chậm về tiến độ như qui định tại các mục nêu trên.
E-ĐKC 49.2	Bồi thường thiệt hại: Áp dụng. - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế; - Nhà thầu có trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư toàn bộ các thiệt hại thực tế và gián tiếp phát sinh do lỗi, vi phạm của nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng, bảo hành công trình.
E-ĐKC 49.3	Thưởng hợp đồng: Không áp dụng.
	E. Kết thúc hợp đồng
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: Ngay trong ngày ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng (dự kiến ngày 25/11/2025).

E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: Ngay khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định (dự kiến ngày 25/11/2025).
E-ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại: 2.000.000 Việt Nam Đồng.
E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 07 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.